TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST Ngày: 20-5-2020 V/v: Ly hôn giữa bà Vvà ông K	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

CácHội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Bà Trần Thị Phượng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2020 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-4-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị Thúy V, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ dân phố số 9, thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ dân phố số 9, thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12 tháng 3 năm 2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Vũ Thị Thúy V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn ngày 11/02/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Hai người đến với nhau khi ông K đã có một đời vợ và đã ly hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại tổ dân phố số 9 thị trấn T. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi chửi nhau, ông K hay dùng lời lẽ xúc phạm bà V vô cớ. Trong sinh hoạt hàng ngày ông K có tính gia trưởng, thường xuyên khắt khe và khó khăn với bà V về kinh tế. Nhiều lần bà V đã bỏ qua để vợ chồng chung sống làm ăn nhưng ông K vẫn

không thay đổi. Không thể chịu đựng được tính tình và cách sống của ông K được nữa nên từ tháng 01 năm 2020 bà V đã tự ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà V đề nghị Tòa án cho được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

Về con chung: Bà V và ông K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà V và ông K tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình tố tụng bị đơn - ông Nguyễn Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K xác nhận lời khai của bà V về thời gian tìm hiểu, kết hôn và quá trình chung sống. Ông K công nhận trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Thỉnh thoảng do áp lực công việc ông cũng có chửi và dùng những câu từ không đúng với bà V nhưng chưa bao giờ đánh vợ nên ông K nghĩ chưa đến mức phải ra Tòa để ly hôn. Từ tháng 12-2019 (âm lịch) bà V tự ý bỏ đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà V làm đơn xin ly hôn, ông K không nhất trí vì ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong Tòa án xem xét để vợ chồng được về đoàn tụ, nếu bà V quyết tâm ly hôn thì ông K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Bà V và ông K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà V và ông K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai; ông K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phám và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bà V xin xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà V và ông K là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà Vũ Thị Thúy V ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Về con chung: Bà V và ông K không có con chung. Về tài sản và công nợ chung: Bà V và ông K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị Thúy V vắng mặt tại phiên tòa theo đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn K là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà V, ông K.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa bà Vũ Thị Thúy V và ông Nguyễn Văn K trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định tổ chức đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 02 năm 2009 là hoàn toàn hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông K là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thường xuyên chia sẻ, không quan tâm tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Ông K thường hay có những lời lẽ xúc phạm đến bà V, hàng ngày đi làm nhưng ông K không mang kinh tế về để lo sinh hoạt trong gia đình. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn phát sinh nên từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay ông bà sống ly thân. Xác định tình cảm không thể hàn gắn được, bà V làm đơn xin được ly hôn với ông K. Ông K xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là nhỏ nhặt trong sinh hoạt hàng ngày, ông mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên ông K không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà V, ông K là sâu sắc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của bà V để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà V, ông K khai nhận quá trình chung sống ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Vũ Thị Thúy V phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vũ Thị Thúy V và ông Nguyễn Văn K.

2. Về án phí dân sự: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Bà Vũ Thị Thúy V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0002039 ngày 18-3-2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H. Bà Vũ Thị Thúy V đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 01 bản;
- UBND thị trấn T: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga